

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: **5453** /UBND-KTTC

V/v hướng dẫn chi trả phí dịch  
vụ thanh toán không dùng  
tiền mặt

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày **14** tháng 8 năm 2020

Kính gửi: Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng

Ủy ban nhân dân thành phố có nhận được Công văn số 9488/BTC-HCSN ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chi trả phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, về việc này, Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 9488/BTC-HCSN nêu trên để triển khai đến các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện.

Nhận được Công văn này, đề nghị Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện. / *st*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tp (để b/c);
- Kho bạc Nhà nước ĐN;
- Lưu VT, KTTC

**Đính kèm:**

- CV số 9488/BTC-HCSN.



**Trần Văn Miên**



**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9488/BTC-HCSN

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2020

V/v hướng dẫn chi trả phí  
 dịch vụ thanh toán không  
 dùng tiền mặt

Kính gửi:

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI HOND VÀ UBND TP. ĐÀ NẴNG	
<b>ĐẾN</b>	Số: 33318.....
	Ngày: 07/08/2020.....
	Chuyên: P.K.T.T.C.....
	Số và ký hiệu HS:.....

- Các cơ quan thuộc Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Hội, cơ quan đoàn thể ở Trung ương.

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam;

Căn cứ quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ các Thông tư: Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày

C. Thảo  
 12/8

định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc chi trả phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

1. Các cơ quan, đơn vị sử dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán, chi trả các khoản chi phí phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thì phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt được coi là một khoản chi phí phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Các cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí hoạt động để thanh toán phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt căn cứ vào hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định. Trường hợp các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ chi từ nguồn kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ/kinh phí không thường xuyên nếu có sử dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt: Các cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí tương ứng đã bố trí cho các nhiệm vụ chi để thanh toán phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt căn cứ vào hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định.

Việc hạch toán, quyết toán kinh phí chi trả phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt vào các lĩnh vực chi tương ứng theo quy định hiện hành.

2. Ngoài ra, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước; tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 136/2018/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 13/2017/TT-BTC) và Điều 10 Thông tư số 13/2017/TT-BTC quy định các khoản phí, trong đó có quy định về thanh toán các khoản phí liên quan đến sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của ngân hàng, phí mở và duy trì tài khoản thanh toán của đơn vị tại ngân hàng thương mại....Do vậy, đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thanh toán phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định nêu trên.

Bộ Tài chính hướng dẫn để các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- KBNN;
- Vụ PC, Vụ NSNN;
- Vụ CST, KHTC;
- Lưu: VT, Vụ HCSN (250b).CP



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**

**Các Hội, cơ quan đoàn thể ở TW (gửi CV số 9488/BTC-HCSN ngày 07/8/2020)**

1	Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam
2	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
3	Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
4	Hội Nông dân Việt Nam
5	Hội Cựu chiến binh Việt Nam
6	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
7	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam
8	Tổng hội Y học Việt Nam
9	Hội Đông y Việt Nam
10	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam
11	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam
12	Hội Người mù Việt Nam
13	Hội Khuyến học Việt Nam
14	Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam
15	Hội Nhà văn Việt Nam
16	Hội Nghệ sỹ sân khấu Việt Nam
17	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam
18	Hội Người cao tuổi Việt Nam
19	Hội Mỹ thuật Việt Nam
20	Hội Nhạc sỹ Việt Nam
21	Hội Điện ảnh Việt Nam
22	Hội Nghệ sỹ nhiếp ảnh Việt Nam
23	Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam
24	Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam
25	Hội Nhà báo Việt Nam
26	Hội Luật gia Việt Nam
27	Hội Nghệ sỹ múa Việt Nam
28	Hội Kiến trúc sư Việt Nam
29	Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam
30	Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam
31	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam
32	Hội Xuất bản Việt Nam
33	Liên đoàn Luật sư Việt Nam
34	Hội Khoa học lịch sử Việt Nam
35	Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam